SAO Y; Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang; Thời gian ký: 11/01/2024 09:17:05 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 03 /2024/QĐ-UBND	*Hà Giang, ngày 10 tháng 01 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế tổ chức tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Hà Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 01 năm 2024.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Nguyễn Văn Sơn

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh Ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH khóa XV tỉnh Hà Giang;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Ban xây dựng đảng Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP, CV NCTH;
- TTr. Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Hà Giang; Đài PTTH tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh, Trung tâm TT-CB tỉnh;
- VNPT ioffice;
- Lưu: VT, NCPC.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Tổ chức tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Hà Giang

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 03 /2024/QĐ-UBND ngày 10 / 01 /2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về tổ chức tuyển dụng công chức ở xã, phường, thị trấn (gọi chung là công chức cấp xã) trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người tham gia tuyển dụng các chức danh công chức cấp xã, bao gồm:

a) Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự;

b) Văn phòng - thống kê;

c) Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã);

d) Tài chính - kế toán;

đ) Tư pháp - hộ tịch;

e) Văn hóa - xã hội.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tuyển dụng công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Căn cứ, điều kiện, đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng công chức cấp xã

1. Việc tuyển dụng công chức cấp xã phải căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, chức danh và chỉ tiêu biên chế công chức cấp xã được Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

2. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (sau đây gọi chung là cấp huyện) ban hành kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã (thi tuyển hoặc xét tuyển). Kế hoạch được gửi đến Sở Nội vụ để theo dõi, kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ. Nội dung kế hoạch tuyển dụng bao gồm:

a) Tổng số biên chế cán bộ, công chức cấp xã được Hội đồng nhân dân tỉnh giao và số lượng biên chế chưa sử dụng;

b) Số lượng công chức cấp xã mà Ủy ban nhân dân cấp huyện đã giao từng đơn vị hành chính cấp xã và kết quả bố trí;

c) Số lượng công chức cấp xã cần tuyển đối với từng chức danh công chức;

d) Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự tuyển đối với từng chức danh công chức;

đ) Hình thức và nội dung thi tuyển;

g) Hình thức và nội dung xét tuyển đối với người dự tuyển hoặc chức danh tuyển dụng quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy chế này.

3. Người dự tuyển công chức cấp xã được đăng ký dự tuyển khi đáp ứng đủ các điều kiện và tiêu chuẩn sau:

a) Điều kiện đăng ký dự tuyển công chức cấp xã theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Luật Cán bộ, công chức năm 2008. Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định các điều kiện khác theo yêu cầu của từng chức danh tuyển dụng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 36 Luật Cán bộ, công chức, nhưng không thấp hơn các tiêu chuẩn chung, không được trái với quy định của pháp luật, không được phân biệt loại hình đào tạo;

b) Tiêu chuẩn chung đối với công chức cấp xã quy định tại Điều 7 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố (sau đây gọi tắt là Nghị định số 33/2023/NĐ-CP);

c) Tiêu chuẩn cụ thể đối với chức danh công chức dự tuyển theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tiêu chuẩn cụ thể của từng chức vụ cán bộ cấp xã; tiêu chuẩn cụ thể của từng chức danh công chức cấp xã và ngành đào tạo theo yêu cầu nhiệm vụ của từng chức danh công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

4. Đối tượng và điểm ưu tiên trong thi tuyển, xét tuyển công chức cấp xã.

a) Đối tượng ưu tiên trong thi tuyển, xét tuyển công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức (sau đây gọi tắt là Nghị định số 138/2020/NĐ-CP) .

Riêng Đội viên trí thức trẻ tham gia các dự án, đề án được triển khai trên địa bàn tỉnh và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã từ đủ 24 tháng trở lên đã được đánh giá xếp loại hoàn thành nhiệm vụ trở lên được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2.

b) Trường hợp người dự thi tuyển hoặc dự xét tuyển thuộc nhiều diện ưu tiên quy định tại điểm a khoản này thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm vòng 2.

Điều 4. Hội đồng tuyển dụng công chức cấp xã

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập Hội đồng tuyển dụng công chức cấp xã (sau đây gọi tắt là Hội đồng). Hội đồng có từ 05 đến 07 thành viên, gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là Trưởng phòng hoặc Phó trưởng Phòng Nội vụ.

c) Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng là công chức Phòng Nội vụ.

d) Các Ủy viên khác là Trưởng phòng hoặc Phó Trưởng phòng các phòng chuyên môn cấp huyện có liên quan đến việc tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

2. Nguyên tắc làm việc, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng và tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Hội đồng thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 7 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của thành viên Hội đồng, các bộ phận giúp việc của Hội đồng thực hiện theo quy định từ Điều 2 đến Điều 11 Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức (sau đây gọi tắt là Quy chế kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV).

Ngoài ra, có thể mời đại diện Công an cấp huyện tham gia để thành lập Tổ Bảo đảm an ninh trật tự thuộc Hội đồng; có chức năng, nhiệm vụ giúp Hội đồng trong công tác bảo đảm an ninh chính trị nội bộ, an ninh trật tự, an toàn vòng trong, vòng ngoài, công tác bảo đảm bí mật Nhà nước theo quy định tại các khu vực, địa điểm liên quan đến kỳ tuyển dụng.

4. Hội đồng được sử dụng con dấu, tài khoản của Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc của Phòng Nội vụ, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

Điều 5. Thi tuyển công chức cấp xã

Thi tuyển công chức cấp xã được thực hiện theo hai vòng thi như sau:

1. Vòng 1: Thi kiểm tra kiến thức, năng lực chung.

a) Hình thức thi: Thi trắc nghiệm trên máy vi tính hoặc trên giấy, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

Trường hợp tổ chức thi trên máy vi tính thì nội dung thi trắc nghiệm không có phần thi tin học.

b) Nội dung thi:

Phần I: Thi trắc nghiệm về kiến thức chung, 60 câu hỏi hiểu biết chung về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; quản lý hành chính nhà nước; công chức, công vụ và các kiến thức khác để đánh giá năng lực. Thời gian thi 60 phút;

Phần II: Ngoại ngữ, 30 câu hỏi theo yêu cầu của vị trí công chức về một trong năm thứ tiếng Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc hoặc ngoại ngữ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định. Thời gian thi 30 phút;

Phần III: Tin học, 30 câu hỏi theo yêu cầu của vị trí công chức. Thời gian thi 30 phút.

c) Miễn phần thi ngoại ngữ đối với các trường hợp sau:

Có bằng tốt nghiệp chuyên ngành ngoại ngữ cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí công chức dự tuyển;

Có bằng tốt nghiệp cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí công chức dự tuyển do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp và được công nhận tại Việt Nam theo quy định;

Có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số hoặc là người dân tộc thiểu số.

d) Miễn phần thi tin học đối với các trường hợp có bằng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên các chuyên ngành liên quan đến tin học, công nghệ thông tin;

đ) Kết quả thi vòng 1 được xác định theo số câu trả lời đúng cho từng phần thi quy định tại điểm b khoản này, nếu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi thì người dự tuyển được thi tiếp vòng 2.

e) Người dự tuyển có chứng chỉ đạt kết quả kiểm định chất lượng đầu vào công chức (chứng chỉ còn giá trị sử dụng) theo quy định của Chính phủ về kiểm định chất lượng đầu vào công chức được miễn thi vòng 1.

2. Vòng 2: Thi môn nghiệp vụ chuyên ngành

a) Hình thức thi: Căn cứ vào tiêu chuẩn, nhiệm vụ của vị trí công chức cần tuyển, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định một trong ba hình thức thi: Phỏng vấn; viết; kết hợp phỏng vấn và viết.

b) Nội dung thi: Kiểm tra kiến thức về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật về ngành, lĩnh vực tuyển dụng; kỹ năng thực thi công vụ của người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí công chức cần tuyển.

Nội dung thi môn nghiệp vụ chuyên ngành phải căn cứ vào chức trách, tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn của chức danh công chức và phải phù hợp với điều kiện thực tế địa phương. Trong cùng một kỳ thi tuyển, nếu có các vị trí công chức cần tuyển có yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ khác nhau thì phải tổ chức xây dựng các đề thi môn nghiệp vụ chuyên ngành khác nhau tương ứng với yêu cầu của vị trí công chức cần tuyển.

c) Thời gian thi: Thi phỏng vấn 30 phút (trước khi thi phỏng vấn, thí sinh dự thi có không quá 15 phút chuẩn bị); thi viết 180 phút (không kể thời gian chép đề). Trường hợp lựa chọn hình thức thi kết hợp phỏng vấn và viết thì thời gian thi phỏng vấn và thời gian thi viết được thực hiện theo quy định tại điểm này.

d) Thang điểm (thi phỏng vấn, thi viết): 100 điểm. Trường hợp lựa chọn hình thức thi kết hợp phỏng vấn và viết thì tỷ lệ điểm phỏng vấn và viết do Chủ tịch Hội đồng thi quyết định nhưng phải bảo đảm có tổng là 100 điểm.

đ) Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện có yêu cầu đặc thù cao hơn về nội dung, hình thức, thời gian thi tại vòng 2 thì thống nhất ý kiến với Sở Nội vụ trước khi thực hiện.

3. Xác định người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

Điều 6. Xét tuyển công chức cấp xã

1. Đối tượng xét tuyển công chức cấp xã

a) Người dự tuyển vào các chức danh công chức của xã thuộc khu vực III. Danh sách các xã thuộc khu vực III theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

b) Người dự tuyển vào chức danh Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự;

c) Người học theo chế độ cử tuyển theo quy định của Luật Giáo dục, sau khi tốt nghiệp về dự tuyển tại địa phương nơi cử đi học; sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng;

2. Nội dung, hình thức xét tuyển công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

3. Xác định người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

Điều 7. Thông báo tuyển dụng và tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển

Thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

Điều 8. Trình tự tổ chức tuyển dụng

1. Thành lập Hội đồng tuyển dụng.

2. Thành lập Ban Kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển do Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng quyết định chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày thành lập Hội đồng tuyển dụng.

Trường hợp người dự tuyển không đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn dự tuyển thì chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển, Hội đồng tuyển dụng có trách nhiệm gửi thông báo bằng văn bản tới người đăng ký dự tuyển được biết theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký.

3. Tổ chức thi tuyển:

a) Hội đồng tuyển dụng thông báo danh sách và triệu tập thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi vòng 1, danh sách thí sinh được miễn thi vòng 1 (nếu có), đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử và niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp huyện. Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày thông báo triệu tập thí sinh được tham dự vòng 1, Hội đồng tuyển dụng phải tiến hành tổ chức thi vòng 1.

b) Tổ chức thi vòng 1:

Trường hợp tổ chức thi vòng 1 trên máy vi tính thì phải thông báo kết quả cho thí sinh được biết ngay sau khi kết thúc thời gian làm bài thi trên máy vi tính. Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả thi vòng 1 trên máy vi tính.

Trường hợp tổ chức thi vòng 1 trên giấy thì việc chấm thi thực hiện như sau:

Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày kết thúc thi vòng 1 phải hoàn thành việc chấm thi vòng 1;

Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc chấm thi vòng 1 phải công bố kết quả thi để thí sinh dự thi biết và thông báo việc nhận đơn phúc khảo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày công bố kết quả thi trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Trường hợp có đơn phúc khảo thì chậm nhất 15 ngày kể từ ngày hết thời hạn nhận đơn phúc khảo phải hoàn thành việc chấm phúc khảo và công bố kết quả chấm phúc khảo để thí sinh dự thi được biết.

Căn cứ vào điều kiện thực tiễn trong quá trình tổ chức chấm thi, Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng quyết định kéo dài thời hạn thực hiện các công việc quy định tại điểm này nhưng tổng thời gian kéo dài không quá 15 ngày.

c) Tổ chức thi vòng 2:

Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc chấm thi vòng 1, Hội đồng tuyển dụng phải lập danh sách và thông báo triệu tập thí sinh đủ điều kiện dự thi vòng 2, đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày thông báo triệu tập thí sinh được tham dự vòng 2, Hội đồng tuyển dụng phải tiến hành tổ chức thi vòng 2.

Trường hợp tổ chức thi vòng 2 bằng hình thức thi viết hoặc hình thức thi kết hợp phỏng vấn và viết thì việc chấm thi viết và chấm phúc khảo thi viết thực hiện như quy định tại điểm b khoản này. Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả thi vòng 2 bằng hình thức phỏng vấn.

4. Tổ chức xét tuyển:

a) Chậm nhất 05 ngày làm việc sau ngày kết thúc việc kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển tại vòng 1, Hội đồng tuyển dụng phải lập danh sách và thông báo triệu tập thí sinh đủ điều kiện dự phỏng vấn tại vòng 2, đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày thông báo triệu tập thí sinh được tham dự vòng 2 thì phải tiến hành tổ chức phỏng vấn tại vòng 2. Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả phỏng vấn tại vòng 2.

5. Thông báo kết quả tuyển dụng, hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng, quyết định tuyển dụng và nhận việc đối với công chức cấp xã: thực hiện theo quy định tại các Điều 15, Điều 16, Điều 17 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

Riêng người trúng tuyển chức danh Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã thực hiện việc bổ nhiệm chức danh theo quy định của pháp luật về dân quân tự vệ.

Điều 9. Tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức cấp xã

1. Công tác tổ chức: thực hiện theo quy định tại các điều từ Điều 12 đến Điều 17, Mục 1 Chương II Quy chế kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV.

2. Thi trắc nghiệm, thi viết, thi phỏng vấn: thực hiện theo quy định tại các điều từ Điều 18 đến Điều 32, Mục 2 và Mục 3 Chương II Quy chế kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV.

3. Giám sát kỳ tuyển dụng công chức cấp xã: việc thành lập Ban giám sát và tổ chức giám sát kỳ tuyển dụng công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại Điều 36 Quy chế kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV.

4. Giải quyết khiếu nại, tố cáo kỳ tuyển dụng công chức cấp xã: thực hiện theo quy định tại Điều 37 Quy chế kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV.

5. Lưu trữ tài liệu kỳ tuyển dụng công chức cấp xã: thực hiện theo quy định tại Điều 38 Quy chế kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV.

Điều 10. Tập sự đối với công chức cấp xã

1. Việc tập sự đối với công chức cấp xã được thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 20 và các Điều 21, 22, 24 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

2. Thời gian tập sự của công chức cấp xã: thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 15 Điều 13 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

3. Công nhận hết thời gian tập sự và xếp lương đối với công chức được tuyển dụng:

a) Khi hết thời gian tập sự, người tập sự phải báo cáo kết quả tập sự bằng văn bản theo các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 20 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP; người hướng dẫn tập sự phải nhận xét, đánh giá kết quả tập sự đối với người tập sự bằng văn bản. Các văn bản này được gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người tập sự làm việc.

b) Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của người tập sự và nhận xét, đánh giá của người hướng dẫn tập sự, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người tập sự làm việc đánh giá phẩm chất chính trị, đạo đức và kết quả công việc của người tập sự. Trường hợp người tập sự đạt yêu cầu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định công nhận hết thời gian tập sự và xếp lương đối với công chức được tuyển dụng.

Điều 11. Tiếp nhận vào làm công chức cấp xã

1. Đối tượng tiếp nhận vào làm công chức cấp xã: thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện tiếp nhận vào làm công chức cấp xã:

Căn cứ tiêu chuẩn chức danh công chức cấp xã cần tuyển, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, tiếp nhận vào làm công chức cấp xã đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này nếu đáp ứng đủ điều kiện đăng ký dự tuyển công chức cấp xã quy định tại khoản 3 Điều 3 Quy chế này, không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật quy định tại Điều 82 của Luật Cán bộ, công chức năm 2008, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019 và các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 14 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP phải có đủ 5 năm công tác trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác không liên tục thì được cộng dồn, kể cả thời gian công tác nếu có trước đó ở vị trí công việc thuộc các trường hợp quy định tại các điểm a, điểm b khoản 1 Điều 14 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP) làm công việc có yêu cầu trình độ đào tạo chuyên môn phù hợp với chức danh công chức cấp xã cần tuyển.

b) Trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 14 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP phải có thời gian giữ chức vụ cán bộ xã đủ 5 năm trở lên và có trình độ đào tạo chuyên môn phù hợp với chức danh công chức cấp xã cần tuyển.

c) Trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 14 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP phải được cấp có thẩm quyền điều động, luân chuyển đến làm việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong hệ thống chính trị theo yêu cầu nhiệm vụ và không yêu cầu phải có đủ thời gian 05 năm công tác trở lên làm việc tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được điều động, luân chuyển đến; khi tiếp nhận vào làm công chức cấp xã không phải thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch.

3. Hồ sơ của người được đề nghị tiếp nhận vào làm công chức cấp xã: thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

4. Hội đồng kiểm tra, sát hạch khi tiếp nhận vào làm công chức cấp xã:

a) Khi tiếp nhận các trường hợp quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 1 Điều 14 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phải thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch. Thành phần Hội đồng kiểm tra, sát hạch được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy chế này.

b) Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng kiểm tra, sát hạch: thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 18 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

c) Nội dung sát hạch, nguyên tắc làm việc và tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng kiểm tra, sát hạch: thực hiện theo quy định tại điểm c, điểm d và điểm đ khoản 4 Điều 18 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

Điều 12. Thẩm quyền tuyển dụng công chức cấp xã và tiếp nhận vào làm công chức cấp xã

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

Theo dõi, hướng dẫn, giám sát, kiểm tra, thanh tra việc tuyển dụng, tiếp nhận công chức cấp xã của Ủy ban nhân dân cấp huyện theo Quy chế này.

Điều 14. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Phổ biến, quán triệt rộng rãi Quy chế này đến cơ quan, đơn vị, địa phương và chỉ đạo tổ chức thực hiện đúng quy định.

2. Căn cứ số lượng cán bộ, công chức cấp xã được Hội đồng nhân dân tỉnh giao hằng năm, kết quả thực hiện và nhu cầu tuyển dụng theo yêu cầu nhiệm vụ và tiêu chuẩn chức danh công chức, theo đề nghị của các xã, phường, thị trấn trực thuộc, Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành kế hoạch và tổ chức thực hiện tuyển dụng theo hình thức thi tuyển, xét tuyển hoặc tiếp nhận vào làm công chức cấp xã theo quy định của Quy chế này.

Điều 15. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tổ chức triển khai, tuyên truyền đến toàn thể cán bộ, công chức cấp xã nội dung Quy chế này.

2. Căn cứ số lượng cụ thể từng vị trí công chức cấp xã được Ủy ban nhân dân cấp huyện giao hàng năm, đăng ký nhu cầu tuyển dụng công chức cấp xã (nếu có) gửi Phòng Nội vụ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Tổ chức và chỉ đạo thực hiện quy định về tập sự đối với người trúng tuyển công chức cấp xã.

Điều 16. Điều khoản thi hành

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu các văn bản dẫn chiếu tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì các nội dung liên quan thực hiện theo các văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế mới. Trường hợp có vướng mắc, phát sinh vượt quá thẩm quyền, các cơ quan, đơn vị, địa phương tổng hợp đề xuất với Sở Nội vụ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét cho ý kiến hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.